

Về luận điểm “khoảng trống quyền lực” của các học giả phương Tây và vấn đề “chớp thời cơ” của lực lượng cách mạng Việt Nam trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945

• **Trần Nam Tiến**

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM

TÓM TẮT:

Cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công đã đánh đổ chế độ thực dân, phong kiến, dẫn đến sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - Nhà nước cách mạng kiểu mới ở Việt Nam - là thắng lợi có ý nghĩa lịch sử trong công cuộc dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam. Thắng lợi đó là kết quả của sự phát huy sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, trong đó, sức mạnh dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương và lãnh tụ Hồ Chí Minh đóng vai trò quyết định. Tuy nhiên, trong quá trình tiếp cận và nghiên cứu về sự kiện này, nhiều học giả

phương Tây lại có những đánh giá khác biệt. Quan điểm của nhiều học giả phương Tây cho rằng đã có một “khoảng trống quyền lực” (power vacuum) xuất hiện ở Việt Nam và nhờ đó lực lượng cách mạng Việt Nam đã may mắn giành được thắng lợi, chứ không phải do chính thực lực của lực lượng này. Bài viết tập trung đánh giá lại luận điểm “khoảng trống quyền lực” của các học giả phương Tây, đồng thời khẳng định vai trò không quan trọng của lực lượng cách mạng Việt Nam trong việc “chớp thời cơ” giành chính quyền trong Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Từ khóa: “khoảng trống quyền lực”, Cách mạng tháng Tám 1945, Việt Nam

1. Trong quá trình tiếp cận và nghiên cứu về sự kiện Cách mạng tháng Tám 1945 ở Việt Nam, một số nhà sử học phương Tây cho rằng đã tồn tại một “khoảng trống quyền lực” (power vacuum) ở Việt Nam lúc bấy giờ. Theo đó, “khoảng trống quyền lực” theo cách nhìn của nhiều học giả phương Tây bắt đầu từ sự kiện quân Nhật đã tiến hành đảo chính Pháp trên toàn cõi Đông Dương vào ngày 9/3/1945, qua đó đã chấm dứt ách cai trị trên toàn Đông Dương của thực dân Pháp trong một thời gian ngắn. Sau đó, với những thất bại liên tiếp trên chiến trường Thái Bình Dương¹, ngày 14/8/1945, Hội

đồng Chiến tranh tối cao và Nội các Nhật Bản thông qua chiến dịch đầu hàng không điều kiện phe Đồng Minh. Ngày 15/8/1945, Đài phát thanh Nhật Bản truyền đi sắc lệnh của Nhật Hoàng về việc chấp nhận các điều kiện đầu hàng Đồng Minh. Sự kiện này đã khiến cho quân Nhật trên toàn Đông Dương mất tinh thần không còn khả năng chiến đấu, qua đó vô tình tạo ra một “khoảng trống quyền lực” ở Đông Dương nói chung và ở Việt Nam nói riêng.

Quan Đông của Nhật Bản ở chiến trường Mông Cổ và Đông Bắc Trung Quốc. Chiến dịch kéo dài đến 28/8, qua đó tiêu diệt 1 triệu quân chủ lực của Nhật Bản vào giai đoạn kết thúc cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai. Cũng trong thời gian này, Mỹ ném hai quả bom nguyên tử xuống Hiroshima (6/8) và Nagasaki (9/8) tạo cú sốc tâm lý lớn cho Nhật Bản.

¹ Ngày 8/8/1945, Liên Xô tuyên chiến với Nhật Bản. Ngày 9/8, quân đội Liên Xô mở màn chiến dịch tổng công kích đạo quân

Cùng thời điểm này, các lực lượng thực dân cũ ở khu vực Đông Nam Á như Hà Lan ở Indonesia, Anh ở Mã Lai, Miến Điện và Pháp ở Đông Dương đều đã bị quân Nhật đảo chính lật đổ trước đó. Lúc này, quân Đồng Minh chưa kịp tới giải giáp quân Nhật theo các điều khoản của Hội nghị Yalta và Potsdam. Trong khi đó, quân Nhật ở các quốc gia Đông Nam Á đều mất tinh thần, hoang mang, tuyệt vọng, từ đó tác động đến các chính phủ thân Nhật ở các quốc gia này cũng rơi vào tình trạng khủng hoảng, không còn khả năng kiểm soát tình hình. Đây chính là điều kiện chung mà nhiều học giả phương Tây gọi là “khoảng trống quyền lực”. Và theo các học giả phương Tây nhờ vào sự tồn tại của “khoảng trống quyền lực”, nhiều lực lượng cách mạng ở Đông Nam Á đã giành được chính quyền.

Ở Việt Nam, lực lượng cách mạng (Việt Minh) dưới sự lãnh đạo của lãnh tụ Hồ Chí Minh đã “may mắn” khi giành được chính quyền một cách khá dễ dàng. Trên cơ sở đó, ngày 2/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thay mặt Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trình đọc bản Tuyên ngôn Độc lập khai sinh nước Việt Nam mới tại vườn hoa Ba Đình (Hà Nội). Đúng vào ngày 2/9/1945, trên chiến hạm USS Missouri (BB-63) của Hoa Kỳ đấu giữa Thái Bình Dương đã diễn ra lễ Nhật Bản ký văn bản chính thức đầu hàng Đồng minh. Ngoại trưởng Nhật Bản là Mamoru Shigemitsu đã thay mặt Nhật hoàng ký vào văn kiện đầu hàng phe Đồng Minh. Và đến khi lực lượng Đồng Minh là quân Anh và quân Tưởng vào Việt Nam để tiến hành giải giáp quân Nhật thì họ buộc phải làm việc với Chính phủ của Chủ tịch Hồ Chí Minh, lúc này là lực lượng quản lý chính thức Việt Nam. Nhìn chung, từ cách tiếp cận luận điểm “khoảng trống quyền lực” mà một số học giả phương Tây đã đánh giá thấp hoặc phủ nhận vai trò của lực lượng cách mạng tại chỗ trong Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Philippe Devillers có lẽ là một trong những học giả phương Tây đầu tiên có quan điểm cho rằng thắng lợi của lực lượng cách mạng ở Việt Nam

trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 có phần “may mắn” hơn là thực lực của lực lượng này. Quan điểm này được Philippe Devillers thể hiện rõ trong cuốn sách *Histoire du Viet Nam de 1940-1952* xuất bản năm 1952. Ông cho rằng cuộc cách mạng tháng Tám không phải là sự bùng nổ, mà thực tế chỉ có một sự hội tụ kỳ lạ các điều kiện mới khiến cho cách mạng thực hiện được. Theo Philippe Devillers, các điều kiện ấy là việc Nhật đảo chính Pháp (9/3/1945), nạn đói năm Ất Dậu, tình trạng gần như vô chính phủ ở Việt Nam sau khi Nhật đầu hàng không điều kiện quân Đồng minh². Trong công trình của mình, Philippe Devillers chính là người đầu tiên đã đề cao quá mức vai trò của cuộc đảo chính Nhật - Pháp (9/3/1945) trong tiến trình cách mạng Việt Nam. Theo ông, chính sự kiện này đã làm đảo lộn toàn bộ diễn trình lịch sử, bởi lẽ nếu nó không xảy ra thì hệ thống cai trị thực dân của người Pháp vẫn có thể tiếp tục cai trị Việt Nam hữu hiệu như cũ, và cơ hội thắng lợi của những người cộng sản và nhân dân Việt Nam sẽ không lớn hơn cơ hội mà họ và Việt Nam Quốc dân Đảng từng có vào năm 1930-1931³. Tuy nhiên, cách nhìn này thể hiện sự chủ quan của tác giả khi không nhìn thấy được cả một quá trình vận động, chuẩn bị của các lực lượng cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản và Hồ Chí Minh và nghệ thuật chớp thời cơ của lực lượng cách mạng Việt Nam.

William J. Duiker chính là người đầu tiên đưa ra ý tưởng về sự tồn tại của “khoảng trống chính trị” (political vacuum) trong thời điểm trước Cách mạng tháng Tám năm 1945. Ông viết: “*Cần phải nhớ rằng cuộc Cách mạng tháng Tám đã đạt được thành tựu vĩ đại như vậy và thắng lợi của những người Cộng sản là có sự đóng góp ở mức độ không nhỏ của những hoàn cảnh ngẫu nhiên. Sự tan rã nhanh chóng của chính phủ ở cả các khu vực thành thị và nông thôn đi đôi với sự trì hoãn đổ bộ của các lực lượng chiếm đóng của Đồng Minh sau khi*

² Devillers, Philippe (1952), *Histoire du Viet-Nam de 1940-1952*, Paris: Édition du Seuil, pp.112-113.

³ Devillers, Philippe (1952), Sdd, p.132.

Nhật Bản đầu hàng đã tạo ra một khoảng trống chính trị ở tất cả các đầu mối quyền lực"⁴. Trên thực tế, Duiker chỉ xem "khoảng trống chính trị" xuất hiện ở Đông Dương là một nhân tố góp phần tạo điều kiện cho các cuộc cách mạng thành công, còn đóng góp của các lực lượng tại chỗ mới đóng vai trò quan trọng. Tuy nhiên, ý tưởng của Duiker cũng đã có tác động nhất định đến giới nghiên cứu về Cách mạng tháng Tám ở nước ngoài, có thể kể đến các tác giả Huỳnh Kim Khánh, Vũ Ngự Chiêu, King C. Chen... Trong số đó, A. Short trong cuốn sách *The Origins of the Vietnam War* cho rằng, trước thất bại của quân Nhật ở châu Á - Thái Bình Dương, quân Nhật ở Đông Dương tiến hành đảo chính người Pháp. Lúc bấy giờ, ở Việt Nam có những lực lượng chính trị, trong đó Việt Nam là lực lượng có ảnh hưởng rộng lớn. Tuy nhiên, đến trước Cách mạng tháng Tám ở Việt Nam chưa xuất hiện một lực lượng chính trị nào nắm quyền thực sự, và do đó có một "khoảng trống chính trị" xuất hiện⁵. Và từ "khoảng trống chính trị" đó, lực lượng có ảnh hưởng nhất lúc này là Việt Minh đã tận dụng thời cơ để làm cuộc khởi nghĩa giành chính quyền⁶.

Tuy nhiên, nhà sử học Na Uy Stein Tønnesson trong cuốn sách *The Vietnamese Revolution of 1945 - Roosevelt, Ho Chi Minh and de Gaulle in a World at War*, được xem là người đưa ra khái niệm "khoảng trống quyền lực" (power vacuum). Qua nội dung cuốn sách, có thể thấy Tønnesson tiếp cận và nghiên cứu vấn đề dưới góc độ của quan hệ quốc tế. Trong đó, ông đã đưa ra luận đề: "Sự sụp đổ của chế độ thực dân Pháp vào năm 1945, và việc nó được thay thế bởi nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, có thể hiểu được thông qua hai chuỗi nhân - quả (causal chains): một chuỗi bắt đầu từ

chính sách về Đông Dương của Roosevelt cùng với sự phát triển quân sự của cuộc chiến Thái Bình Dương và kết thúc trong một khoảng trống quyền lực (power vacuum) khi quân Nhật đầu hàng"⁷. Trong cuốn sách, Tønnesson đã cho rằng "khoảng trống quyền lực" xuất hiện ở Việt Nam từ lúc Nhật thế chân Pháp tại Đông Dương nhưng sau đó lại bại trận và buộc phải đầu hàng không điều kiện Đồng minh, lúc này sự vắng mặt của các lực lượng Pháp và Đồng minh, sự thiếu quyết tâm của người Nhật trong việc nắm giữ quyền kiểm soát cho tới khi Đồng minh tới và sự bất lực đối với các quan lại và chính quyền của họ trong việc kiểm soát tình hình ở Việt Nam lúc bấy giờ. Vì thế ông nhấn mạnh "Khoảng trống quyền lực sau sự đầu hàng của Nhật ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn... là chủ yếu trong bất cứ sự giải thích nào về cách mạng Việt Nam" và "bằng việc tạo ra khoảng trống quyền lực, các cường quốc đã làm đảo lộn toàn bộ tình hình và do đó đã mời Việt Minh giành chính quyền"⁸.

Luận điểm này còn được Stein Tønnesson bổ sung ở chương 11 của cuốn sách về sự vắng mặt của các nước lớn tại Việt Nam trong thời gian diễn ra Cách mạng tháng Tám 1945, cụ thể: Mỹ không trực tiếp quan tâm nhiều đến Đông Dương, trong khi Anh thì tập trung bảo vệ Hồng Kông, trong khi đó ở Pháp thì chính quyền De Gaulle không có ai hiểu biết về Đông Dương để có thể nhanh chóng chiếm lại thuộc địa này, còn với Trung Quốc, thì Tưởng Giới Thạch chỉ lo chú tâm vào việc giữ gìn miền Bắc Đông Dương. Trong công trình của mình, Stein Tønnesson vẫn ghi nhận sự kiện cách mạng tháng Tám năm 1945 của nhân dân Việt Nam thành công bởi hai nhóm điều kiện: 1) là nhờ "khoảng trống quyền lực" xuất hiện ở Việt Nam thời điểm cuối cuộc Chiến tranh thế giới lần thứ hai 2) là yếu tố nội lực của lực lượng cách mạng Việt Nam. Mặc dù trong nghiên cứu của mình,

⁴ Duiker, William J (1981), *The Communist Road to Power in Vietnam*, Boulder Co., Westview Press, p.100.

⁵ Short, A. (1989), *The Origins of the Vietnam War*, London: Routledge, p.42.

⁶ Kratoska, Paul H. (2001), *South East Asia, Colonial History: Independence through Revolutionary War*, Taylor & Francis, p.363; Dennis, Peter (1987), *Troubled Days of Peace: Mountbatten and South East Asia Command, 1945-6*, Manchester: Manchester University Press, pp.14-15.

⁷ Tønnesson, Stein (1991), *The Vietnamese Revolution of 1945 - Roosevelt, Ho Chi Minh and De Gaulle in a World at War*, Newberry Park, Calif., Sage Publications, p.1.

⁸ Tønnesson, Stein (1991), Sdd, p.415.

Tønnesson đã tuyên bố: “cuốn sách này không cho rằng cuộc cách mạng đó là “tình cờ”, “ngẫu nhiên” hoặc “ăn may””⁹. Tuy nhiên, theo Stein Tønnesson, yếu tố “khoảng trống quyền lực” vẫn được xem là nhân tố chính có tính chất quyết định đến thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam¹⁰.

Tiếp theo đó, trong bài viết “Filling the Power Vacuum: 1945 in French Indochina, the Netherlands East Indies and British Malaya” trong cuốn sách *Imperial Policy and Southeast Asian Nationalism 1930-1957* xuất bản năm 1994, Stein Tønnesson lại đề cập rõ nét hơn về luận điểm “khoảng trống quyền lực” ở Việt Nam trong tương quan cả khu vực Đông Nam Á thời điểm kết thúc Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc ở Thái Bình Dương. Theo ông, “khoảng trống quyền lực” sẽ xuất hiện và tạo cơ hội cho những người muốn nắm quyền lực như là một “cơ hội”¹¹. Vì vậy, “khoảng trống quyền lực” trong Tháng Tám năm 1945 được gọi là “các cơ hội thuận lợi” hay “thời cơ thích hợp” cho một cuộc cách mạng. Trên cơ sở đó, Tønnesson cho rằng do tận dụng “khoảng trống quyền lực” nên các chính quyền được thành lập sau đó ở Việt Nam sẽ không thể đủ lực để đối phó với các lực lượng nước ngoài tái xâm lược¹². Có thể nói, quan điểm của Stein Tønnesson có ảnh hưởng khá lớn đến giới sử học cận hiện đại của phương Tây khi đánh giá về sự kiện Cách mạng tháng Tám 1945 của Việt Nam.

Gần đây nhất, học giả T.O. Smith trong cuốn sách *Vietnam and the Unravelling of Empire: General Gracey in Asia 1942-1951* xuất bản năm 2014 cũng đã đề cập đến “khoảng trống quyền lực” ở Đông Dương nói chung và Việt Nam nói riêng khi Nhật Bản đầu hàng quân Đồng Minh. Ông ta cho rằng với sự thất bại của chủ nghĩa thực dân Pháp trước Nhật Bản, và chính quyền bù nhìn yếu kém của Bảo Đại, một khoảng trống quyền lực bất

đầu xuất hiện, trong đó Việt Minh hy vọng để có thể tận dụng lợi thế đầy đủ. Tại thời điểm quan trọng này. Một điểm khác biệt, đó chính là T.O. Smith đã cho rằng thắng lợi của cuộc cách mạng do Việt Minh lãnh đạo có sự góp sức của các lực lượng bên ngoài, ở đây Smith đề cập đến người Mỹ¹³. Trong công trình này, Smith nhìn nhận các hoạt động của lực lượng cách mạng Việt Nam [Việt Minh-TG] trong trạng thái thụ động¹⁴. Roger C. Thomspon trong *The Pacific Basin since 1945: An International History* cũng có đề cập đến sự hiện diện của “khoảng trống quyền lực” tạo ra cơ hội cho lực lượng cách mạng Việt Nam tiến hành tổng khởi nghĩa, giành chính quyền¹⁵. Cùng một quan điểm như vậy, trong cuốn *OSS và Hồ Chí Minh - Đồng minh bất ngờ trong cuộc chiến chống phát xít Nhật*, tác giả Dixee R. Bartholomew-Feis đã viết: “Việt Minh đã hưởng nhiều thuận lợi từ cuộc đảo chính của quân Nhật diễn ra vào tháng 3 năm 1945, cuộc đảo chính đã chấm dứt một cách hiệu quả ách thực dân Pháp trong một thời gian ngắn, sau đó là thất bại của quân Nhật, tạo ra một khoảng trống quyền lực mà Hồ Chí Minh và Việt Minh tiến vào”¹⁶.

Có thể thấy, nhiều nghiên cứu của các học giả phương Tây đã đưa ra luận điểm về sự tồn tại của một “khoảng trống quyền lực [chính trị]” ở Việt Nam, nhất là sau khi Nhật đầu hàng Đồng Minh. “Khoảng trống” này được tạo ra một cách ngẫu nhiên do sự hội đủ và tương tác của một số yếu tố khách quan của thời đại lúc bấy giờ và từ đó tạo ra một hoàn cảnh ngẫu nhiên thuận lợi cho việc giành chính quyền thắng lợi của lực lượng cách mạng Việt Nam. Như vậy, việc giành chính quyền thắng lợi của Việt Minh trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 có phải là một sự “ăn may” nhờ sự xuất hiện

⁹ Tønnesson, Stein (1991), Sdd, p.412.

¹⁰ Tønnesson, Stein (1991), Sdd, p.409.

¹¹ Tønnesson, Stein (1994), *Imperial Policy and Southeast Asian Nationalism 1930-1957*, Richmond: Curzon Press, p.115.

¹² Tønnesson, Stein (1994), Sdd, p.116-118.

¹³ Smith, T.O. (2014), *Vietnam and the Unravelling of Empire: General Gracey in Asia 1942-1951*, New York: Palgrave Macmillan Publishing Company, p.32-56.

¹⁴ Smith, T.O. (2014), Sdd, pp.32-42.

¹⁵ Thomspon, Roger C. (2001), *The Pacific Basin since 1945: An International History*, New York: Longman, p.97.

¹⁶ Bartholomew-Feis, Dixee R. (2007), *OSS và Hồ Chí Minh Đồng minh bất ngờ trong cuộc chiến chống phát xít Nhật*, Hà Nội: Nxb. Thế giới, tr.16.

của “khoảng trống quyền lực [chính trị]” ở Việt Nam lúc bấy giờ?

2. Theo cách hiểu thông thường, thời cơ là thời gian, điều kiện, hoàn cảnh chủ quan, khách quan thuận lợi để tiến hành thắng lợi một việc gì đó. Trong các cuộc cách mạng hoặc chiến tranh, vấn đề thời cơ là vấn đề quan trọng, bởi vì bên nào nắm được và tận dụng tốt được thời cơ thì chắc chắn bên đó sẽ giành được thắng lợi quan trọng. Trong lịch sử thế giới, vấn đề nhận thức thời cơ và chớp thời cơ đã được thể hiện trong nhiều cuộc chiến tranh, cách mạng ở nhiều nước trên thế giới. Trong đó, cuộc Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 là một trong những ví dụ điển hình của việc chớp thời cơ thành công để giành chính quyền, mở đường cho sự ra đời của nước Nga Soviet.

Để chuẩn bị cho thắng lợi của cuộc cách mạng, Lenin và Đảng Bolshevik đã phải vận dụng sáng tạo những vấn đề thuộc chiến lược và sách lược cách mạng của chủ nghĩa Marx vào thực tiễn nước Nga. Trong đó, “Luận cương Tháng Tư” của Lenin là văn kiện có tính chất cương lĩnh của Đảng Bolshevik, của chủ nghĩa Marx sáng tạo, đã đáp ứng đúng những vấn đề cấp bách của cách mạng Nga đặt ra trên con đường tiến tới cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa. Với những biến chuyển nhanh chóng của tình hình nước Nga, nhất là sau sự kiện Chính phủ lâm thời ra lệnh bắn vào đoàn biểu tình của công nhân và binh lính ở Petrograd (tháng 7/1917), dẫn đến sự thay đổi trong lực lượng giai cấp ở Nga. Quần chúng nhân dân nhận rõ chính sách lừa bịp của Chính phủ lâm thời, nên cuộc đấu tranh của họ đã lan rộng toàn quốc. Hoạt động của Đảng Bolshevik nhận được sự ủng hộ của quần chúng và binh lính. Quá trình cách mạng hóa binh lính diễn ra mạnh mẽ và đa số họ đã ngả sang phía những người Bolshevik. Chính phủ lâm thời do giai cấp tư sản lãnh đạo đã lộ nguyên hình là lực lượng phản bội nhân dân. Trong lúc đó, các nước đế quốc phương Tây đang bị sa lầy trong cuộc Chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914-1918) nên không thể tập trung để đối phó với cách mạng Nga đang lớn

lớn. Nhận thức sâu sắc tiến trình khách quan của các sự kiện nêu trên, V.I. Lê-nin và Đảng Bôn-sê-vích đã đưa vấn đề khởi nghĩa vũ trang trở thành một nhiệm vụ trực tiếp. Trên cơ sở phân tích toàn diện quá trình cách mạng Nga và tình hình quốc tế, V.I. Lê-nin kết luận: “*Cuộc khủng hoảng đã chín muồi. Tất cả tương lai của cách mạng Nga đang ở trong tình thế hoặc mất hoặc còn. Tất cả danh dự của Đảng Bôn-sê-vích đang được đặt ra. Tất cả tương lai của cuộc cách mạng công nhân quốc tế vì chủ nghĩa xã hội đang ở trong tình thế hoặc mất hoặc còn*”¹⁷.

Tối ngày 24 tháng Mười (tức ngày 6/11/1917) khi phát lệnh khởi nghĩa, Lenin đã gửi thư cho các Ủy viên Trung ương Đảng Bolshevik, đã chỉ thị: “*Vô luận trong trường hợp nào, vô luận vì một lý do nào, cũng không được để chính quyền nằm trong tay Kê-ren-xki và đồng bọn cho đến ngày 25; việc đó tuyệt đối phải được giải quyết ngay tối nay hay đêm nay. Lịch sử sẽ không tha thứ cho những người cách mạng có thể thắng lợi hôm nay (và chắc chắn sẽ thắng lợi hôm nay) mà lại để chậm trễ; vì để đến ngày mai không khéo họ sẽ mất nhiều, không khéo họ sẽ mất tất cả... Lịch sử tất cả các cuộc cách mạng đã chứng minh điều đó. Và những người cách mạng sẽ phạm tội ác vô cùng lớn, nếu họ bỏ mất thời cơ*”¹⁸. Với những nhận định đúng đắn về vấn đề thời cơ cách mạng, Lenin và Đảng Bolshevik đã chớp thời cơ để tiến hành tổng khởi nghĩa giành chính quyền thành công, đưa cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười thắng lợi trọn vẹn. Có thể nói, vấn đề chớp thời cơ, tiến hành khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 đã để lại nhiều bài học kinh nghiệm cho cách mạng Việt Nam. Nói về ảnh hưởng của Cách mạng Tháng Mười Nga đối với thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết: “*Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám đã chứng minh sự đúng đắn của*

¹⁷ V.I. Lê-nin (1976), *Toàn tập*, Tập 34, Mát-xcơ-va: Nxb. Tiến bộ, tr.369-370.

¹⁸ V.I. Lê-nin (1976), *Toàn tập*, Tập 34, Sdd, tr.571-572.

học thuyết Mác-Lenin về vấn đề dân tộc và thuộc địa, đã chứng minh sự đúng đắn của con đường của Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười vĩ đại đã vạch ra”¹⁹.

Có thể nói, trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng Cộng sản Đông Dương đã coi khởi nghĩa là một nghệ thuật. Đó là nghệ thuật chuẩn bị thời cơ, chớp lấy thời cơ, giành thế thắng lợi trong một thời khắc quyết định. Trên thực tế, lãnh tụ Hồ Chí Minh đã nghiên cứu vận dụng sáng tạo vấn đề chớp thời cơ của chủ nghĩa Marx-Lenin vào điều kiện cụ thể của cách mạng Việt Nam và linh hoạt, uyển chuyển theo tình hình cách mạng thế giới. Đảng Cộng sản Đông Dương đã nhận thức rõ rằng: Thời cơ là sự kết hợp hàng loạt nhân tố chủ quan và khách quan đã đến độ chín muồi. Thời cơ không tự đến, một phần là do ta chuẩn bị nó, thúc đẩy nó.

Sau khi Chiến tranh thế giới thứ hai nổ ra (1939), từ năm 1940, quân đội Nhật đã tiến vào Đông Dương theo sự thỏa thuận với thực dân Pháp. Nhân dân Việt Nam bị tình cảnh “một cổ hai tròng”. Trước những thất bại trên chiến trường Thái Bình Dương, đêm 9/3/1945, quân Nhật đảo chính thực dân Pháp độc chiếm toàn Đông Dương. Tuy nhiên, tình hình vẫn không thể thay đổi. Quân Nhật ở châu Á đã bị lực lượng Đồng minh, đặc biệt có sự tham chiến của Liên Xô, đánh bại liên tiếp trên nhiều mặt trận. Trước thất bại không thể tránh khỏi, cùng với tác động của hai quả bom nguyên tử Mỹ ném xuống hai thành phố lớn của Nhật Bản, Chính phủ Nhật Bản đã chuẩn bị đầu hàng quân Đồng minh. Tình thế và thời cơ cách mạng cho Việt Nam giành lấy chính quyền từ tay phát xít Nhật và tay sai đã xuất hiện. Nhưng, thời cơ xuất hiện vẫn chưa đủ yếu tố cấu thành nên thắng lợi của cuộc Tổng khởi nghĩa. Lịch sử đã chứng minh, Đảng Cộng sản Đông Dương đã chuẩn bị sẵn sàng mọi điều kiện, có sự chuyển hướng chỉ đạo kịp thời, toàn dân đã sẵn sàng đứng dưới ngọn cờ của Mặt trận Việt Minh do Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo để dấy lên

cao trào kháng Nhật, cứu nước. Như vậy, *thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám 1945 của nhân dân Việt Nam, ngoài nhân tố khách quan, lịch sử cho thấy nhân tố chủ quan có ý nghĩa quyết định quan trọng.*

3. Ngay khi Chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ (1939), Đảng Cộng sản Đông Dương cũng như lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, sau này là Hồ Chí Minh nhận thức rõ được tình hình thế giới, tình hình trong nước, đánh giá được thực lực mạnh, yếu của địch, Đảng Cộng sản Đông Dương đã nhận thức được tình hình có lợi cho một cuộc tổng khởi nghĩa nên đã trực tiếp chuẩn bị cho khởi nghĩa giành chính quyền cả về đường lối khởi nghĩa, xây dựng căn cứ địa và lực lượng cách mạng. Theo đó, từ Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ VI (tháng 11/1939), được phát triển trong Hội nghị Trung ương lần thứ VII (1940), hoàn chỉnh trong Hội nghị Trung ương lần thứ VIII (tháng 5/1941), Đảng Cộng sản Đông Dương đã đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu và đưa vấn đề khởi nghĩa vũ trang thành vấn đề quan trọng, có tính chất quyết định. Trong đó, các Nghị quyết đã xác định rõ khởi nghĩa vũ trang là con đường duy nhất của cách mạng Việt Nam và hình thái vận động cách mạng là đi từ khởi nghĩa từng phần đến tổng khởi nghĩa. Cụ thể, *“ta phải luôn luôn chuẩn bị một lực lượng sẵn sàng, nhằm vào cơ hội thuận tiện hơn cả mà đánh lại quân thù, nghĩa là nay mai đây cuộc chiến tranh Thái Bình Dương và cuộc kháng chiến của nhân dân Tàu xoay ra hoàn toàn cho cuộc cách mạng Đông Dương thắng lợi, thì lúc đó với lực lượng sẵn có, ta có thể lãnh đạo cuộc khởi nghĩa từng phần trong từng địa phương cũng có thể giành sự thắng lợi mà mở đường cho một cuộc tổng khởi nghĩa to lớn”²⁰.* Như vậy, để đi đến Tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945, Đảng Cộng sản Đông Dương đã sớm đề ra được đường lối cách mạng đúng đắn, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh lịch sử Việt Nam. Thực tế đã chứng minh, những gì đã diễn ra trong Tháng

¹⁹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 11, Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, tr.180.

²⁰ Đảng Cộng sản Việt Nam (2000), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Tập 7 (1940-1945), Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia, tr.131-132.

Tám lịch sử đó không nằm ngoài những dự báo và sự chỉ đạo chiến lược tài tình của Đảng và lãnh tụ Hồ Chí Minh. Chính lãnh tụ Hồ Chí Minh đã từng tiên đoán vào năm 1945 nước ta sẽ giành được độc lập. Cụ thể vào tháng 10/1944, trong thư gửi đồng bào toàn quốc người còn nói: “*Cơ hội cho dân tộc ta giải phóng chỉ ở trong một năm hoặc năm rưỡi nữa. Thời gian rất gấp ta phải làm nhanh*”²¹.

Đầu năm 1945, tình hình thế giới và Đông Dương đã có những điều kiện mới, nhân tố mới, qua đó tạo cơ sở cho phong trào đấu tranh của nhân dân Việt Nam phát triển thành cao trào rộng lớn. Có thể nói, Chiến tranh thế giới lần thứ hai đang bước vào giai đoạn kết thúc, phát-xít Đức bị Hồng quân Liên Xô đánh tan, buộc phải ký đầu hàng vô điều kiện quân Đồng minh vào ngày 9/5/1945. Ở chiến trường Thái Bình Dương, quân đội Nhật cũng đang sa lầy. Tại Đông Dương, quân đội Nhật biết được âm mưu của Pháp nên trong đêm 9/3/1945 đã tiến hành đảo chính Pháp nhằm độc chiếm Đông Dương. Chỉ trong vòng 48 giờ, quân Nhật đã đè bẹp sự kháng cự của quân Pháp, lật nhào chính quyền thực dân mà người Pháp đã dày công xây dựng ở Đông Dương và đẩy Việt Nam và xứ Đông Dương và “một cuộc khủng hoảng chính trị sâu sắc”²². Trước tình hình này, ngay trong đêm 9/3/1945, Thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương họp ở Đình Bảng (Từ Sơn, Bắc Ninh) do Tổng bí thư Trường Chinh chủ trì, ra Bản chỉ thị “*Nhật-Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*” (ngày 12/3/1945). Bản Chỉ thị nhận định, cuộc đảo chính của Nhật ở Đông Dương đã tạo ra một cuộc khủng hoảng chính trị sâu sắc nhưng điều kiện khởi nghĩa ở Đông Dương hiện nay chưa được chín muồi. Vì thế, phải phát động một cao trào kháng Nhật cứu nước mạnh mẽ để làm tiền đề cho cuộc Tổng khởi nghĩa. Thực tế, Đảng Cộng sản Đông Dương và lãnh tụ Hồ Chí Minh luôn thể hiện sự chủ động trong việc nhận thức và đánh giá đúng thời cơ

để tiến hành đấu tranh cách mạng, không hề thụ động ngồi chờ thời cơ.

Thực hiện sự chỉ đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, nhiều cuộc khởi nghĩa từng phần đã diễn ra ở những địa phương có đủ điều kiện và giành thắng lợi, sau đó lan nhanh khắp các vùng nông thôn 6 tỉnh Việt Bắc và từ căn cứ địa Việt Bắc lan đến hàng loạt chiến khu ở nhiều vùng rừng núi và nông thôn thuộc Bắc Bộ, Trung Bộ. Các hoạt động bức hàng bức lột, xóa bỏ chính quyền địch ở thôn xã, lập các Ủy ban Việt Minh, tổ chức nhân dân phá kho thóc cứu đói... Sự gia người Mỹ William J. Duiker trong cuốn sách *Ho Chi Minh: A Life* đã khẳng định chính nạn đói ở miền Bắc và Trung Việt Nam kéo dài dai dẳng từ mùa đông trước, đã tạo ra một tình thế thuận lợi cho các lực lượng cách mạng... Đói kém tràn lan đã tạo ra cơ hội ngàn vàng cho Việt Minh. Họ tiếp tục khuyến khích nông dân đang bị đói, ở những khu vực mà họ đã giải phóng, phá các kho thóc công để chia cho dân nghèo...²³. Lúc bấy giờ, nhiều đội tự vệ cứu quốc được thành lập đã tổ chức chặn đánh các cuộc càn quét của quân Nhật vào khu căn cứ, bảo vệ vùng giải phóng, thu hẹp phạm vi kiểm soát của quân Nhật, phát động cao trào kháng Nhật, tập dượt cho quần chúng sẵn sàng bước vào hành động cách mạng của tổng khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền trên phạm vi cả nước. tạo điều kiện thuận lợi cho Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trên phạm vi cả nước thắng lợi.

Sau khi đánh bại phát-xít Đức ở chiến trường châu Âu, Liên Xô tiếp tục chiến dịch đánh Nhật Bản ở chiến trường Thái Bình Dương. Trước sức tấn công mạnh mẽ của Hồng quân Liên Xô, quân đội Nhật Bản chịu nhiều thất bại nặng nề và phải đối mặt với nguy cơ thất bại hoàn toàn. Tuy nhiên, cần phải nhìn nhận khách quan đối với tình hình lúc bấy giờ. Việc Liên Xô và quân Đồng Minh đánh bại Nhật Bản thực tế chỉ tạo ra điều kiện khách quan thuận lợi cho cách mạng Việt Nam, chứ không phải

²¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 3, Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia, tr.538.

²² Đảng Cộng sản Việt Nam (2000), *Sdd*, tr.365.

²³ Duiker, William J. (2000), *Ho Chi Minh: A Life*, New York: Hyperion, pp. 294-320.

là nhân tố quan trọng, có tính chất quyết định. Bởi lẽ, phát xít Nhật tuy bị đánh bại, nhưng lực lượng quân đội Nhật ở Đông Dương, mà cụ thể là ở Việt Nam lúc bấy giờ còn rất mạnh²⁴ và vẫn có thể gây khó khăn cho lực lượng khởi nghĩa. Tính từ khi Nhật đầu hàng Đồng minh cho đến khi quân Đồng minh vào Việt Nam, thời cơ cho tổng khởi nghĩa chỉ tồn tại trong một thời gian rất ngắn. Nếu không có sự nhận định đúng và chớp thời cơ nhanh chóng, thời cơ đó sẽ trôi qua, cách mạng sau đó có nỏ ra cũng khó giành thắng lợi. Khi Hồng quân Liên Xô đánh bại đội quân Quan Đông của Nhật, ngày 15/8/1945, Nhật Hoàng tuyên bố đầu hàng quân Đồng minh vô điều kiện. Việc Liên Xô và quân Đồng minh đánh bại Nhật Bản đã làm cho tinh thần lính Nhật ở Đông Dương, đặc biệt ở Việt Nam bị sa sút nghiêm trọng, kéo theo chính quyền thân Nhật ở Việt Nam cũng đã hoang mang đến cực độ. Đây được xem là thời cơ thuận lợi mà Đảng ta đã kịp thời nắm lấy, lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức lực lượng, phát động sức mạnh quần chúng để giành chính quyền.

Trước đó, dự báo trước diễn biến tình hình thế giới, từ ngày 13 đến ngày 15/8/1945, Trung ương Đảng đã triệu tập *Hội nghị toàn quốc*. Ngày 13/8/1945, Đảng Cộng sản Đông Dương đã ra Nghị quyết: “Phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong toàn quốc”. Trong đó nhận định: điều kiện khởi nghĩa đã chín muồi và cử ra Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc. Ngay đêm 13/8, Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc ra lệnh tổng khởi nghĩa. Ngày 16/8/1945, *Đại hội quốc dân* quyết định thành lập Ủy ban giải phóng dân tộc Việt Nam (tức Chính phủ lâm thời) do lãnh tụ Hồ Chí Minh làm Chủ tịch. Sau Đại hội quốc dân, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư kêu gọi đồng bào cả nước: “Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho

ta”²⁵. Cả dân tộc ta, với quyết tâm “... dù hy sinh tới đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập”²⁶ như sự chỉ đạo của lãnh tụ Hồ Chí Minh, đã nhất tề vùng lên. Thực hiện chỉ đạo của Trung ương Đảng, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của lãnh tụ Hồ Chí Minh, từ ngày 14 đến ngày 28/8/1945, tất cả các địa phương trong cả nước đã đứng lên tổng khởi nghĩa giành chính quyền thành công. Đến ngày 2/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn độc lập, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Như vậy, trong Cách mạng tháng Tám, cùng với việc tạo thời cơ, Đảng ta đã đạt đến đỉnh cao của nghệ thuật nắm và giành thời cơ.

Khi nói đến sự kiện Cách mạng tháng Tám 1945 ở Việt Nam, nhiều học giả nước ngoài đã đánh giá cao sự kiện này. Sử gia người Mỹ William J. Duiker đã bình luận: “*Nhưng chỉ riêng các điều kiện khách quan thì không làm nên một cuộc cách mạng, và ở đây công lao thuộc về những người Cộng sản. Họ đã có thể chớp lấy thời cơ được mở ra vô cùng thuận lợi vào lúc kết thúc cuộc Chiến tranh Thái Bình Dương. Ở các xứ thuộc địa khác, khoảng trống có thể được lấp đầy bởi lực lượng dân tộc chủ nghĩa không Cộng sản. Nhưng ở Việt Nam, các phần tử dân tộc chủ nghĩa đã không thể đứng lên chấp nhận thách thức [...] Chỉ có Đảng Cộng sản Đông Dương sở hữu ý thức về sự kịp thời và thấu hiểu được sự tinh tế có tính chiến lược của hoàn cảnh để vùng lên đúng lúc. Điểm cuối cùng này mới là quan trọng*”²⁷. Nhà sử học người Pháp Alain Ruscio rõ ra cảm phục trước những thắng lợi của nhân dân Việt Nam trong các cuộc kháng chiến, đặc biệt là thắng lợi của cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945: “*Chiến thắng năm 1945 của Việt Nam không chỉ là sự kiện gây bất ngờ, mà đó cũng là sự tất yếu mang tính logic trong lịch sử phong trào đấu tranh của dân tộc Việt Nam. Đặc biệt, Việt*

²⁴ Thực tế lực lượng của phát xít Nhật ở Việt Nam lúc đó vẫn còn khoảng 100.000 quân, với đầy đủ vũ khí, trang bị và đóng nguyên tại các vị trí phòng thủ của mình (Smith, T.O. (2014), Sdd, pp.41-42).

²⁵ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 3, Sdd, tr.596.

²⁶ Võ Nguyên Giáp (1994), *Những chặng đường lịch sử*, Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia, tr.196.

²⁷ William J. Duiker (1981), Sdd, p.344.

Nam là dân tộc đầu tiên trong số các dân tộc trên thế giới bị thực dân Pháp đô hộ đã thành công trong cuộc kháng chiến của mình. Thắng lợi của cuộc cách mạng tháng Tám năm 1945 đã có ảnh hưởng rất lớn tới phong trào đấu tranh đòi độc lập của các nước thuộc địa trên thế giới lúc bấy giờ, nhất là các nước ở châu Phi. Khi đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh là người có vai trò quan trọng, là người đầu tiên tuyên bố độc lập của một nước thuộc địa²⁸. Ngay cả Vũ Ngự Chiêu, một học giả nằm trong nhóm phủ nhận vai trò của Đảng Cộng sản Đông Dương và Việt Minh trong Cách mạng tháng Tám cũng phải thừa nhận: “Thắng lợi của Việt Minh vào tháng Tám năm 1945 là một sự kiện phi thường, trong đó cả ‘điều kiện thuận lợi’ và năng lực của những người lãnh đạo Đảng Cộng sản Đông Dương trong việc khai thác những yếu tố thuận lợi đều có tính quyết định”²⁹.

Nhìn chung, luận điểm “khoảng trống quyền lực” do Stein Tønnesson và một số học giả phương Tây nêu ra chỉ có thể được chấp nhận như một cách mô tả tình hình Việt Nam sau cuộc đảo chính quân sự của Nhật trên bán đảo Đông Dương (9/3/1945) và đặc biệt là điều kiện khách quan vô cùng thuận lợi để lực lượng cách mạng Việt Nam tiến hành cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền ngay sau khi Nhật tuyên bố đầu hàng Đồng Minh. Tuy nhiên, không thể coi điều kiện khách quan thuận lợi này là yếu tố quyết định nhất đã dẫn đến thắng lợi của cuộc Cách mạng tháng Tám mà trong một điều kiện cụ thể có thể xem nó như một “thời cơ”. Và như vậy thì “khoảng trống quyền lực” không chỉ mở ra thời cơ thuận lợi cho riêng Việt Minh, mà là cho tất cả các lực lượng chính trị khác có mặt ở Việt Nam lúc này. Thực tế lịch sử cho thấy chỉ có Việt Minh tận dụng được “thời cơ” này để tiến hành một cuộc tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Với lực lượng quần chúng đông đảo, Đảng Cộng sản Đông

Dương và Mặt trận Việt Minh đã chớp thời cơ, lãnh đạo cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền thành công trên phạm vi cả nước.

4. Thực chất quan điểm của nhiều học giả phương Tây về “khoảng trống quyền lực” là nhằm làm giảm (thậm chí phủ nhận) vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, sức mạnh của quần chúng và đi đến phủ nhận sự nghiệp cách mạng vĩ đại của nhân dân Việt Nam khởi đầu từ Cách mạng tháng Tám lịch sử năm 1945. Sở dĩ những nhà sử học phương Tây nói vậy là do họ chưa đánh giá đúng về thực lực của lực lượng cách mạng Việt Nam lúc bấy giờ. Chính nhà sử học người Na Uy Stein Tønnesson vốn ủng hộ luận điểm “khoảng trống quyền lực”, sau khi xem xét lại vấn đề thì tác giả cũng đã khẳng định rằng Cách mạng tháng Tám 1945 là cuộc cách mạng vĩ đại của nhân dân Việt Nam mà xét về tính chất, ông đã khẳng định: “Cuộc cách mạng ở Việt Nam năm 1945 là một ‘cuộc cách mạng giải phóng dân tộc’, không chỉ có vậy mà đó còn là một cuộc cách mạng chính trị chống lại nền quân chủ thối nát, và là một cuộc cách mạng xã hội chống lại chủ đất và những người thu thuế”³⁰. Cần thấy rằng, để Cách mạng Tháng Tám nổ ra và giành thắng lợi, ngoài yếu tố khách quan đóng vai trò quan trọng thì nhân tố quyết định là sự lãnh đạo của Đảng; là việc Đảng ta đã phát huy được sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân tộc và dự đoán thời cơ chính xác, chớp thời cơ kịp thời để phát động tổng khởi nghĩa thành công. Nếu điều kiện chín muồi đã đến mà không nắm lấy thời cơ, chần chừ, chờ đợi địch đầu hàng, trao quyền độc lập thì cơ hội ngàn vàng đó sẽ không bao giờ đến; Cách mạng Tháng Tám sẽ không thể xảy ra.

Từ thực tế lịch sử, có thể khẳng định rằng, Cách mạng Tháng Tám nổ ra và giành thắng lợi nhanh chóng là nhờ sự tài tình của Đảng và Bác Hồ trong nghệ thuật chỉ đạo và lãnh đạo cách mạng; sự chuẩn bị chu đáo về đường lối, về lực lượng cách mạng và

²⁸ Ruscio, Alain (1985), Les Communistes français et la guerre d'Indochine, 1944-1954, Paris: L'Harmattan.

²⁹ Vũ Ngự Chiêu (1984), *Political and Social Change in Vietnam between 1940 - 1946*, Madison: The University of Wisconsin, p.438.

³⁰ Tønnesson, Stein (1991), Sdd, p.416.

việc dự đoán thời cơ, chớp lấy thời cơ... Cách mạng tháng Tám 1945 diễn ra trong vòng 15 ngày và đã đưa Việt Nam trở thành một nước độc lập. Để có được thắng lợi lịch sử đó là cả khoảng thời gian 15 năm dài chuẩn bị của Đảng Cộng sản Đông Dương, của lãnh tụ Hồ Chí Minh và nhân dân Việt Nam. Thời điểm diễn ra Tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945, phong trào cách mạng ở Việt Nam đã lên tới cao trào, quần chúng cách mạng, mặt trận Việt Minh đã sẵn sàng hành động với một khí thế chưa từng có. Trong khi đó, quân Anh chưa vào miền Nam và quân Tưởng chưa vào miền Bắc để giải giáp quân Nhật, và cũng là lúc quân Nhật bại trận, mất tinh thần, ngồi chờ quân Đồng Minh đến tước vũ khí, các lực lượng thân Nhật tan rã hoặc đầu hàng chính quyền cách mạng. Nhờ vậy sức mạnh của toàn dân Việt Nam được nhân lên gấp bội, tiến tới tổng khởi nghĩa giành chính quyền trên cả nước một cách nhanh, gọn và thành công triệt để.

Như vậy, với lực lượng đông đảo được tập hợp và rèn luyện đấu tranh trong tổ chức Việt Minh, đồng thời với một lãnh tụ dẫn đường xuất sắc là Hồ

Chí Minh, nhân dân Việt Nam đã đứng lên tự giải phóng mình chứ không hề ngồi yên trông mong, chờ đợi một “khoảng trống quyền lực” nào cả, đúng như lời Tuyên ngôn đanh thép của Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Lễ Độc lập ngày 2/9/1945 đã đánh dấu việc hoàn tất quá trình chuyển dịch quyền lực chính trị về cho lực lượng cách mạng Việt Nam thông qua cuộc Cách mạng tháng Tám: “*Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị. Dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay để gây dựng nên nước Việt Nam độc lập. Dân ta lại đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỷ mà lập nên chế độ dân chủ cộng hòa*”³¹. Cách mạng Tháng Tám năm 1945 của Việt Nam thực sự là cuộc cách mạng giải phóng dân tộc đi theo con đường Cách mạng Tháng Mười Nga, nằm trong quỹ đạo của cách mạng vô sản thế giới. Trong bối cảnh thế giới và Đông Dương có nhiều thay đổi, Đảng Cộng sản Đông Dương và lãnh tụ Hồ Chí Minh đã nhận định đúng tình hình, đón đúng và tận dụng triệt để thời cơ lịch sử “ngàn năm có một” để giành thắng lợi trọn vẹn.

³¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 4, Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia, tr.3.

On the Western scholars' perspective on “power vacuum” and the “opportunity-seizing” capacity of Vietnam revolutionary forces in the 1945 August Revolution

• **Tran Nam Tien**

University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM

ABSTRACT:

The 1945 August Revolution successfully overthrew colonialism, feudalism and led to the birth of the Democratic Republic of Vietnam – the new revolutionary state in Vietnam. The 1945 August Revolution was a significantly historical victory in the cause of national construction and defense of the Vietnamese people. The victory resulted from promoting national strength up from that of the time, in which the national strength under the leadership of the Indochinese Communist Party and leader Ho Chi Minh played a decisive role. However, many Western

scholars have different points of view in doing research and studies on this historical event. Many Western scholars believe that there was a “power vacuum” in Vietnam; thereby, Vietnam revolutionary forces moved quickly to fill the power vacuum, launching the August Revolution and won by luck not by their own strength. The paper focuses on assessing the view-points of Western scholars on “power vacuum” at its true worth, while confirming the important role of Vietnam revolutionary forces in “seizing the opportunity” to get hold of power in the 1945 August Revolution.

Keywords: “power vacuum”, 1945 August Revolution, Viet Nam

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Bartholomew-Feis, Dixee R. (2007), OSS và Hồ Chí Minh Đồng minh bất ngờ trong cuộc chiến chống phát xít Nhật, Hà Nội: Nxb. Thế giới.
- [2]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2000), Văn kiện Đảng toàn tập, Tập 7 (1940-1945), Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.
- [3]. Dennis, Peter (1987), *Troubled Days of Peace: Mountbatten and South East Asia Command, 1945-6*, Manchester: Manchester University Press.
- [4]. Devillers, Philippe (1952), *Histoire du Vietnam de 1940-1952*, Paris: Edition du Seuil.
- [5]. Duiker, William J. (1981), *The Communist Road to Power in Vietnam*, Boulder Co., Westview Press.
- [6]. Duiker, William J. (2000), *Ho Chi Minh: A Life*, New York: Hyperion.
- [7]. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 3, Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
- [8]. Hồ Chí Minh (2011) *Toàn tập*, Tập 4, Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
- [9]. Kratoska, Paul H. (2001), *South East Asia, Colonial History: Independence through Revolutionary War*, Taylor & Francis.

- [10]. Phạm Hồng Tung (2013), Lịch sử cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam, Hà Nội: Nxb. Đại học Quốc gia.
- [11]. Ruscio, Alain (1985), Les Communistes français et la guerre d'Indochine, 1944-1954, Paris: L'Harmattan.
- [12]. Short, A. (1989), *The Origins of the Vietnam War*, London: Routledge.
- [13]. Smith, T.O. (2014), Vietnam and the Unravelling of Empire: General Gracey in Asia 1942-1951, New York: Palgrave Macmillan Publishing Company.
- [14]. Thomson, Roger C. (2001), *The Pacific Basin since 1945: An International History*, New York: Longman.
- [15]. Tønnesson, Stein (1991), *The Vietnamese Revolution of 1945 – Roosevelt, Ho Chi Minh and De Gaulle in a World at War*, Newberry Park, Calif., Sage Publications.
- [16]. Tønnesson, Stein (1994), *Imperial Policy and Southeast Asian Nationalism 1930-1957*, Richmond: Curzon Press.
- [17]. Võ Nguyên Giáp (1994), *Những chặng đường lịch sử*, Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.
- [18]. Vũ Ngu Chiêu (1984), *Political and Social Change in Vietnam between 1940 - 1946*, Madison: The University of Wisconsin.